

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 36/2019/HN-ST

Ngày 22/7/2019

Về việc: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Tính.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thu Thảo.

2. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Minh Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2019/TLST – HN ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐST – HN ngày 04/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1976, địa chỉ: ấp LT A, xã LH, huyện CT, tỉnh TG.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng G**, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp NP, xã HN, huyện CL, tỉnh BT; đang công tác và tạm trú tại Khu tập thể Công ty TNHH MH TG đóng trên địa bàn ấp K 2A, xã PL, huyện TP, tỉnh TG.

(Tại phiên tòa có mặt chị V, anh G xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Hoàng G chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã LH, huyện CT, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì anh G thay đổi tính tình không lo làm ăn mà nhiều lần cờ bạc gây nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 8/2016, anh G vào ở lại chỗ làm việc

nên vợ chồng sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay anh G chỉ về thăm con vài lần nhưng không có nói chuyện với tôi.

Về con chung: Tôi và anh G có hai con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/5/2013, cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/8/2017, hiện hai cháu đang sống với tôi.

Về tài sản chung: Tôi và anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và anh G không có nợ chung ai.

*Yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G.

Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là cháu K và cháu T, tôi không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Hoàng G trình bày:* Tôi và chị Nguyễn Thị V chung sống năm 2012, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống tôi có cờ bạc dẫn đến vợ chồng cãi nhau, tôi đã sửa đổi và nhờ anh chị em bên vợ nói giúp nhưng chị V không đồng ý bỏ qua. Tôi và chị V có hai con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/5/2013, cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/8/2017, hiện hai cháu đang sống với chị V. Về tài sản chung tôi và chị V tự thỏa thuận, tôi và chị V không có nợ chung ai. Nay chị V xin ly hôn với tôi, tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ con.

*Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định đây là tranh chấp “xin ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn anh Nguyễn Hoàng G đang công tác và tạm trú tại Khu tập thể Công ty TNHH MH TG đóng trên địa bàn ấp K 2A, xã PL, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng G là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh G.

[4] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G vì giữa chị V và anh G trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh G không lo làm ăn mà còn cờ bạc gây nợ dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, khi cãi nhau anh G ở lại

chỗ làm không về nhà chứng minh qua việc anh G có đăng ký tạm trú và có ở lại Khu tập thể Công ty TNHH MH TG dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân anh G có vài lần về nhà thăm con nhưng lại không có nói chuyện với chị V nên anh chị không thể giải quyết được mâu thuẫn. Như vậy, giữa chị V và anh G trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không biết tìm cách khác phục dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh G ở lại chỗ làm dẫn đến vợ chồng ly thân, khi về thăm con có điều kiện hàn gắn tình cảm nhưng anh lại không nói chuyện với chị V làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến việc chị V xin ly hôn. Anh G không đồng ý ly hôn với chị V nhưng anh không đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng trở lại chung sống. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Chị V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/5/2013, cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/8/2017 vì hiện tại hai cháu đang sống với chị. Xét chị V là người đang trực tiếp chăm sóc hai cháu K và cháu T, đề đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của hai cháu không bị xáo trộn cần để chị V tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu. Anh G chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị V chưa có yêu cầu. Anh G được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết vì quyền lợi của con chung chị V hoặc anh G có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[4.3] Về tài sản chung: Chị V và anh G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[4.4] Chị V và anh G khai không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh G không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V đối với anh Nguyễn Hoàng G.

1.1 *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G.

1.2 *Về con chung*: Giao hai cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 13/5/2013, cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/8/2017 cho chị Nguyễn Thị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị V không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Anh G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết chị V hoặc anh G có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. *Về án phí*:

2.1 Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19810 ngày 09/5/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy chị V đã nộp xong án phí.

2.2 Anh Nguyễn Hoàng G không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. *Về kháng cáo*:

3.1 Chị Nguyễn Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

3.2 Anh Nguyễn Hoàng G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 10 giờ 20 phút cùng ngày.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Tính**